

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 510/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Ngô Hữu M, sinh năm 1981.

Nơi cư trú:, Khu nhà ở Đ, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Đường C, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Ngô Hữu M và chị Nguyễn Thị Quỳnh N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

- Giao 01 (một) con chung cháu Ngô Bảo C sinh ngày 15/5/2014 cho chị Nguyễn Thị Quỳnh N nuôi dưỡng;

- Anh Ngô Hữu M không cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2.2. *Về tài sản chung*: Anh Ngô Hữu M và chị Nguyễn Thị Quỳnh N xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. *Về nợ chung*: Anh Ngô Hữu M và chị Nguyễn Thị Quỳnh N xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Về án phí*: Anh Ngô Hữu M và chị Nguyễn Thị Quỳnh N phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí giải quyết ly hôn, thỏa thuận nuôi con. Anh M tự nguyện chịu toàn bộ án phí 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà anh M đã nộp theo biên lai thu số 005983 ngày 29 tháng 8 năm 2018 tại Cơ quan Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, anh M được trả lại 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- UBND phường P, thành phố H (Đăng ký kết hôn số 61, ngày 05/6/2012);
- Lưu hồ sơ vụ án;

Lê Thúc Mỹ